

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST.  
Ngày 31-8-2020.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Linh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Cao Hoài Hiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Danh Thị Xa N, sinh năm 1983 – Có mặt;

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp H T, xã V H H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố A B, phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Anh Võ Văn B, sinh năm 1988 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố L T, phường L H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Danh Thị Xa N trình bày:*

Chị và anh B chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã V H H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng tại

ấp L T, xã L H, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố L T, phường L H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Từ khi chung sống vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B ham chơi cờ bạc, đá gà, đánh đề, không có trách nhiệm với gia đình. Đến khi chị N sinh con anh B vẫn không thay đổi mà còn thường xuyên đi casino đánh bài vài ngày mới về, bỏ chị N ở nhà một mình. Từ cuối năm 2018, chị N dẫn con bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh B không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 20-3-2009, hiện đang theo sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh B đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh B không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh B.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Danh Thị Xa N yêu cầu được ly hôn anh Võ Văn B.

Về con chung: Giao cháu Võ Minh T, sinh ngày 20-3-2009 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Anh Võ Văn B vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V H H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do anh B thường chơi cờ bạc, đá gà, đánh đề, không có trách nhiệm với gia đình. Qua xác minh tại địa phương và người thân của anh B thể hiện anh B thường xuyên chơi cờ bạc, bỏ nhà đi vài ngày mới về. Chị N và anh B đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ, đồng thời Tòa án đã nhiều lần mời anh B đến Tòa làm việc, hòa giải nhưng anh B không đến, cho thấy anh B không có thiện chí hàn gắn với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh B trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh B có một con chung là cháu Võ Minh T, sinh ngày 20-3-2009. Nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị N và anh B ly thân, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, hiện cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Qua làm việc với cháu T, cháu cũng có nguyện vọng được theo sống với chị N. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu T nên Hội đồng xét xử giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Danh Thị Xa N được ly hôn anh Võ Văn B.

2. Về con chung: Giao chị Danh Thị Xa N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Minh T, sinh ngày 20-3-2009.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Danh Thị Xa N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018156 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã V H H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Linh Ngọc**